

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 250/2024/DS-PT
Ngày: 09-5-2024
V/v tranh chấp: "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vân.

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 150/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Tuấn A, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1944 (vắng mặt);

2. Bà Trương Kim A1, sinh năm 1951 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Trương Kim A1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn anh Lê Tuấn A trình bày:

Từ năm 2015 đến năm 2017, anh A có bán thức ăn nuôi tôm cho ông Nguyễn Thành L và bà Trương Kim A1. Đến ngày 04/7/2017, ông L, bà A1 còn nợ anh A số tiền 158.290.000 đồng, trừ đi chiết khấu 12.051.000 đồng, ông bà còn nợ lại anh số tiền 146.239.000 đồng. Sau đó, ông L, bà A1 trả được cho anh A 10.000.000 đồng trong 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, lần lượt vào ngày 17/10/2018 và ngày 10/5/2019. Do đó, ngày 10/5/2019, anh A lập lại hoá đơn, xác định số tiền ông L, bà A1 còn nợ anh là 136.239.000 đồng, hoá đơn này được bà A1 ký tên vào.

Do nợ đã kéo dài nên anh A khởi kiện, yêu cầu ông L và bà A1 trả cho anh số tiền 136.239.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, anh A không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Thành L và bà Trương Kim A1 cùng trình bày:

Ông L và bà A1 thừa nhận có mua thức ăn tôm của anh A từ năm 2015. Đến ngày 04/7/2017, ông bà còn nợ lại anh A số tiền 158.290.000 đồng, trừ đi chiết khấu 12.051.000 đồng còn 146.239.000 đồng. Sau đó, ông bà trả được cho anh A 10.000.000 đồng, do đó chỉ còn nợ 136.239.000 đồng. Nay ông bà đồng ý trả cho anh A số tiền còn nợ. Tuy nhiên, do tuổi cao và hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ông bà xin được trả dần số nợ, bằng cách mỗi vụ tôm (trung đương khoảng thời gian 03 tháng) ông bà sẽ thanh toán cho anh A 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 278, 357, 430, 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Tuấn A. Buộc ông Nguyễn Thành L và bà Trương Kim A1 có nghĩa vụ trả cho anh Lê Tuấn A số tiền 136.239.000 đồng (*một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm ba mươi chín nghìn đồng*), thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 19/01/2024, bị đơn bà Trương Kim A1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận cho Bà trả nợ dần mỗi vụ tôm là 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn Trương Kim A1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Kim A1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định và đúng thẩm quyền giải quyết.

Đơn kháng cáo của bị đơn Trương Kim A1 nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng quy định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn Nguyễn Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung xét kháng cáo:

Tại cấp sơ thẩm, bà Kim A1 và ông L thừa nhận có nợ nguyên đơn Lê Tuấn A số tiền 136.239.000 đồng, đây là tiền nợ do ông bà mua thức ăn nuôi tôm chưa thanh toán, được hai bên chốt nợ vào ngày 10/5/2019 (bút lục 22). Nhận thấy, hai bên thực hiện giao dịch mua bán qua thỏa thuận bằng lời nói với nhau, theo dõi việc mua bán bằng hóa đơn bán hàng do người bán hàng (nguyên đơn) lập và người mua (bị đơn) ký tên xác nhận. Phía bị đơn khai, sau ngày 10/5/2019 thì phía bị đơn không còn mua thức ăn của nguyên đơn bán nữa và có thỏa thuận khi nào nuôi tôm có lời thì sẽ trả nợ cho nguyên đơn, nhưng do việc nuôi tôm không có lời nên chưa trả được và nay bà Kim A1 xin trả nợ dần mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, lý do bà Kim A1 nêu là không có căn cứ, bởi lẽ nguyên đơn không thừa nhận thỏa thuận này và việc bà Kim A1, ông L không trả được nợ và kéo dài từ tháng 5/2019 cho đến nay là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 434 của Bộ luật Dân sự, đồng thời yêu cầu xin trả nợ dần của bà Kim A1 không được nguyên đơn đồng ý, từ đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Kim A1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: bà Kim A1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 278, 357, 430, 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trương Kim A1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Tuấn A.

Buộc ông Nguyễn Thành L và bà Trương Kim A1 có nghĩa vụ trả cho anh Lê Tuấn A số tiền 136.239.000 đồng (*một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm ba mươi chín nghìn đồng*), thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Bà Trương Kim A1 được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Thành L và bà Trương Kim A1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Lê Tuấn A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.957.200 đồng (*ba triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm đồng*) theo biên lai thu số 0008741 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt